TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 772/2019/DS-ST
Ngày: 05/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Vạn
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 05 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2019/QĐXXST-DS ngày 18/09/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2019/QĐST-DS ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NH
Địa chỉ: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền Thảo – Trưởng phòng thu hồi nợ, (văn bản ủy quyền lập ngày 22/06/2017).
Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Đ Đ M, sinh năm: 1980
Địa chỉ: tầng 8, Tòa nhà Cộng Hòa Garden số 20 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 16/04/2019), (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).
2. Bị đơn: Bà P T Đ, sinh năm: 1969, (vắng mặt)
Địa chỉ: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2019, bản tự khai ngày 05/7/2019, đại diện của nguyên đơn Ông Đ Đ M trình bày:

Ngày 01/11/2013, Bà P T Đ có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số quản lý 20131031-500000-0030 với NH để vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận thì Bà P T Đ có trách nhiệm trả số tiền

46.218.153 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.270.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.768.513 đồng. Trả vào ngày 05 tây hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/12/2013.

Thực hiện hợp đồng, Bà P T Đ đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và trả cho NH tổng số tiền là 34.866.000 đồng. Kể từ ngày 12/01/2016 Bà P T Đ không trả thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù NH đã nhắc nhở nhiều lần.

Do khách hàng trễ hạn trả nợ nên NH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà P T Đ thanh lý hợp đồng trả một lần cho NH toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 10.775.221 đồng
- Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 577.292 đồng

Tổng số tiền NH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà P T Đ phải trả là: 11.352.513 đồng (mười một triệu ba trăm năm mươi hai ngàn năm trăm mười ba đồng), trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ông Đ Đ M không yêu cầu tính lãi trong thời gian tòa án xét xử cũng như lãi chậm thi hành án. Ông Mùi có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà P T Đ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] NH khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Bà P T Đ. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đ Đ M có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Mùi theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà P T Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Bà P T Đ vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số quản lý 20131031-500000-0030 ngày 01/11/2013, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì đủ cơ sở xác định Bà P T Đ có vay của NH số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận thì Bà P T Đ có trách nhiệm trả số tiền 46.218.153 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.270.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.768.513 đồng, bắt đầu thanh toán tiền vào ngày 05/12/2013. Bà P T Đ đã trả được 26 kỳ và một lần trả lãi với số tiền là 34.866.000 đồng, còn nợ NH là 11.352.513 đồng, trong đó nợ gốc 10.775.221 đồng, nợ lãi 577.292 đồng.

[4.2] Tòa án triệu tập Bà P T Đ đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với NH nhưng bà Đ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, bà Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó; Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.3] NH không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ sau thời điểm nộp đơn khởi kiện đến thời điểm xét xử cũng như lãi chậm thi hành án, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4.4] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH và buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho NH số tiền 11.352.513 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 122, 123, 124, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của NH. Buộc Bà P T Đ có trách nhiệm trả cho NH số tiền 11.352.513 đồng (mười một triệu ba trăm năm mươi hai ngàn năm trăm mười ba đồng), trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà P T Đ được miễn lãi phát sinh trong thời gian Tòa án xét xử cũng như lãi chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Bà P T Đ chịu 567.626 đồng (năm trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho NH số tiền tạm ứng án phí đã nộp 334.525 đồng (ba trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0025206 ngày 03 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới